

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số :31/2018/DS-ST
Ngày : 04-6-2018
V/V tranh chấp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Hải

Ông Đặng Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý 17/2018/TLST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2018 về “tranh chấp hui” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXX-ST ngày 16 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Đ. Địa chỉ: ấp 7, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ: Ông Trần Văn V. Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Văn P.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tt: Ông Huỳnh Văn P. Cùng địa chỉ: ấp 1, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

Người làm chứng:

1/ Bà Nguyễn Thị Hồng Y. Địa chỉ: ấp 1, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

2/ Bà Trần Thị Thu V. Địa chỉ: ấp 8, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

3/ Bà Trần Thị Đ. Địa chỉ: ấp 8, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

4/ Bà Lê Thị Bé B. Địa chỉ: ấp 7, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

5/ Ông Hồ Thanh S. Địa chỉ: ấp 7, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

6/ Bà Nguyễn Thị P. Địa chỉ: ấp 1, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

7/ Bà Nguyễn Thị Thảo S. Địa chỉ: ấp 1, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

8/ Bà Trần Thị S. Địa chỉ: ấp 7, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/01/2018 và ngày 28/3/2018 của bà Hồ Thị Đ và quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà T có vào các dây hội do bà Đ làm chủ hội, cụ thể như sau :

Dây hội thứ 1: Ngày 15/2/2013 (AL), bà T có vào dây hội 5.000.000 đồng do bà Đ làm chủ hội. Hội gồm 15 hội viên, hội lúa 3 tháng, bà T tham gia một kỳ, bà T đã đóng được 1 lần đến lần thứ 2 tháng 8/2013 bà T hốt hội với số tiền là 35.155.000 đồng, bà T đóng hội chết được 9 lần tổng cộng là 45.000.000 đồng, đến ngày 15/12/2016 thì không đóng nữa, còn thiếu lại 3 kỳ hội chết với số tiền là 15.000.000 đồng. Bà đã choàng cho bà T hai kỳ vào ngày 15/4/2017 và ngày 15/8/2017 là 10.000.000 đồng, còn một kỳ cuối 15/12/2017 bà sẽ khởi kiện sau. Nay bà yêu cầu bà T và ông P trả cho bà tiền hội 10.000.000 đồng, hội mãi vào ngày 15/12/2017.

Dây hội thứ 2: Ngày 15/2/2013, bà T có vào dây hội 2.000.000 đồng do bà Đ làm chủ hội. Hội gồm 16 hội viên, hội lúa 3 tháng, bà T đã đóng được 3 lần đến lần thứ 4 bà T hốt hội với số tiền là 15.180.000 đồng, bà T đóng hội chết được 8 lần tổng cộng là 16.000.000 đồng, đến ngày 15/12/2016 thì không đóng nữa thiếu lại 4 phần hội chết với số tiền là 8.000.000 đồng. Bà đã choàng cho bà T hai kỳ vào ngày 15/4/2017 và ngày 15/8/2017 là 4.000.000 đồng, còn một kỳ 15/12/2017 do bà Chín Đ hốt và kỳ cuối 15/2/2018 bà sẽ khởi kiện sau. Nay bà yêu cầu bà T và ông P trả cho bà tiền hội 4.000.000 đồng, hội mãi vào ngày 15/02/2018.

Dây hội thứ 3: Ngày 15/2/2013, bà T có vào dây hội 2.000.000 đồng do bà Đ làm chủ hội. Hội gồm 15 hội viên, bà T đã đóng được 1 lần đến lần thứ 2 bà T hốt hội với số tiền là 16.900.000 đồng, bà T đóng hội chết được 10 lần tổng cộng là 20.000.000 đồng, đến ngày 15/12/2016 thì không đóng nữa, thiếu lại 3 phần hội chết với số tiền là 6.000.000 đồng. Bà đã choàng cho bà T hai kỳ vào ngày 15/4/2017 và ngày 15/8/2017 là 4.000.000 đồng, còn một kỳ 15/12/2017 bà sẽ khởi kiện sau. Nay bà yêu cầu bà T và ông P trả cho bà tiền hội 4.000.000 đồng, hội mãi vào ngày 15/12/2017.

Dây hội thứ 4: Ngày 15/3/2014 bà T có vào dây hội 2.000.000 đồng do bà Đ làm chủ hội. Hội gồm 15 hội viên, bà T hốt hội đầu tiên với số tiền là 17.830.000 đồng, bà T đóng hội chết được 8 lần tổng cộng là 16.000.000 đồng, đến ngày 15/12/2016 thì không đóng nữa, thiếu lại 6 kỳ hội chết với số tiền là 12.000.000 đồng. Bà đã choàng cho bà T hai kỳ vào ngày 15/4/2017 và ngày 15/8/2017 là 4.000.000 đồng, còn bốn kỳ hội bà sẽ khởi kiện sau. Nay bà yêu cầu bà T và ông P trả cho bà tiền hội 4.000.000 đồng, hội mãi vào ngày 15/11/2018.

Dây hội thứ 5: Ngày 15/3/2014 bà T có vào dây hội 2.000.000 đồng do bà Đ làm chủ hội. Hội gồm 15 hội viên, bà T đã đóng được 1 lần đến lần thứ 2 hốt hội với số tiền là 11.425.000 đồng, bà T đóng hội chết được 7 lần tổng cộng là 14.000.000 đồng, đến ngày 15/12/2016 thì không đóng nữa thiếu lại 6 kỳ hội chết với số tiền là 12.000.000 đồng. Bà đã choàng cho bà T hai kỳ vào ngày 15/4/2017 và ngày

15/8/2017 là 4.000.000 đồng, còn bốn kỳ hụi bà sẽ khởi kiện sau. Nay bà yêu cầu bà T và ông P trả cho bà tiền hụi 4.000.000 đồng, hụi mãn vào ngày 15/11/2018.

Dây hụi thứ 6: Ngày 15/3/2016 bà T có vào dây hụi 2.000.000 đồng do bà Đ làm chủ hụi. Hụi gồm 14 hụi viên, bà T hốt hụi ở kỳ đầu tiên với số tiền là 15.650.000 đồng, bà T đóng hụi chết được 01 lần tổng cộng là 2.000.000 đồng, đến ngày 15/12/2016 thì không đóng nữa thiếu lại 11 phần hụi chết với số tiền là 22.000.000 đồng. Bà đã choàng cho bà T hai kỳ vào ngày 15/4/2017 và ngày 15/8/2017 là 4.000.000 đồng, còn chín kỳ hụi bà sẽ khởi kiện sau. Nay bà yêu cầu bà T và ông P trả cho bà tiền hụi 4.000.000 đồng, hụi mãn vào ngày 15/8/2020.

Dây hụi thứ 7: Ngày 5/2/2016, bà T có vào dây hụi 2.000.000 đồng do bà Đ làm chủ hụi. Hụi gồm 18 hụi viên, một tháng khai một lần, bà T đóng 01 lần đến lần 02 bà T hốt hụi với số tiền là 26.000.000 đồng, bà T đóng hụi chết được 9 lần tổng cộng là 18.000.000 đồng, đến ngày 15/12/2016 thì không đóng nữa, thiếu lại 4 phần hụi chết với số tiền là 8.000.000 đồng. Bà đã choàng cho bà T 4 kỳ (15/5/2017 đến 15/8/2017). Nay bà yêu cầu bà T và ông P trả cho bà tiền hụi 8.000.000 đồng, hụi mãn vào ngày 15/8/2017.

Dây hụi thứ 8: Ngày 5/2/2016, bà T có vào dây hụi 2.000.000 đồng do bà Đ làm chủ hụi. Hụi gồm 19 hụi viên, bà T đóng hụi kỳ thứ nhất, hốt hụi kỳ thứ hai với số tiền là 27.550.000 đồng, bà T đóng hụi chết được 9 lần tổng cộng là 18.000.000 đồng, đến ngày 15/12/2016 thì không đóng nữa, thiếu lại 5 kỳ hụi chết với số tiền là 10.000.000 đồng. Bà đã choàng cho bà T 5 kỳ hụi (15/5/2017- 15/9/2017). Nay bà yêu cầu bà T và ông P trả cho bà tiền hụi 10.000.000 đồng, hụi mãn vào ngày 15/9/2017.

Dây hụi thứ 9: Ngày 5/2/2016, bà T có vào dây hụi 1.000.000 đồng do bà làm chủ hụi. Hụi gồm 20 hụi viên, bà T hốt hụi kỳ thứ với số tiền là 13.850.000 đồng, bà T đóng hụi chết được 9 lần tổng cộng là 9.000.000 đồng, đến ngày 15/12/2016 thì không đóng nữa thiếu lại 06 kỳ hụi chết với số tiền là 6.000.000 đồng. Bà đã choàng cho bà T 6 kỳ (15/5/2017- 15/10/2017). Nay bà yêu cầu bà T và ông P trả cho bà tiền hụi 6.000.000 đồng, hụi mãn vào ngày 15/10/2017.

Dây hụi thứ 10: Ngày 15/9/2017, bà T có vào dây hụi 1.000.000 đồng do bà Đ làm chủ hụi. Hụi gồm 17 hụi viên, bà T hốt hụi đầu tiên với số tiền là 11.600.000 đồng, bà T đóng hụi chết được 2 lần tổng cộng là 2.000.000 đồng, đến ngày 15/12/2016 thì không đóng nữa, thiếu lại 10 phần hụi chết với số tiền là 10.000.000 đồng. Bà đã choàng cho bà T 7 kỳ (15/5/2017- 15/11/2017), còn lại ba kỳ hụi bà sẽ khởi kiện sau. Nay bà yêu cầu bà T và ông P trả cho bà tiền hụi 7.000.000 đồng, hụi mãn vào ngày 15/02/2018.

Dây hụi thứ 11: Ngày 15/9/2016, bà T có vào dây hụi 1.000.000 đồng do bà làm chủ hụi. Hụi gồm 17 hụi viên, bà T hốt hụi đầu tiên với số tiền là 16.600.000 đồng, bà T đóng hụi chết được 2 lần tổng cộng là 2.000.000 đồng, đến ngày 15/12/2016 thì không đóng nữa, thiếu lại 10 phần hụi chết với số tiền là 10.000.000 đồng. Bà đã choàng cho bà T 7 kỳ (15/5/2017- 15/11/2017), còn lại ba kỳ hụi bà sẽ khởi kiện sau. . Nay bà yêu cầu bà T và ông P trả cho bà tiền hụi 7.000.000 đồng, hụi mãn vào ngày 15/02/2018.

Riêng các kỳ hội đã đến hạn trước đó bà đã khởi kiện bà T, ông P vào năm 2017.

Bà Đ yêu cầu bà T và ông P phải liên đới trả cho bà số tiền nợ hội tổng cộng là 61.000.000 đồng, yêu cầu trả 01 lần, không tính lãi suất.

Nay bà Đ rút yêu cầu khởi kiện đối với bà T và ông P tại đây hội thứ 11 (số tiền hội là 7.000.000 đồng).

Ông P là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và là người đại diện cho bà T có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án dân sự Thẩm phán tuân thủ các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Những người tham gia phiên tòa: Các đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bà Đ làm chủ 10 dây hội, bà T là hội viên có tham gia 10 dây hội bà Đ khởi kiện bà T vào ngày 18/4/2017 các phần hội đã đến hạn thanh toán là 39.000.000 đồng. Nay bà Đ tiếp tục khởi kiện bà T 10 dây hội trên đối với các phần hội đã đến hạn thanh toán từ tháng 4/2017 là 61.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cần buộc bị đơn, người liên quan trả cho nguyên đơn số tiền hội là 61.000.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với dây hội thứ 11.

Tại phiên tòa ông V không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ của vụ án và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Hồ Thị Đ khởi kiện bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn Pg về việc “tranh chấp hội” được quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện cho bà T có đơn xin vắng, Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông P.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy bà Đ yêu cầu bà T và ông P trả nợ vốn hội của 10 dây hội đã đến hạn thanh toán hội chết tổng cộng là 61.000.000 đồng, không tính lãi.

Hội đồng xét xử nhận định theo các giấy hội bà Đ giao nộp cho Tòa án và những người làm chứng khai trình thể hiện 10 dây hội thì bà T có tham gia vào năm 2017, bà Đ cũng đã khởi kiện bà T, ông P một phần tiền hội của 10 dây hội đã đến hạn thanh toán. Nay bà Đ tiếp tục khởi kiện bà T và ông P phải liên đới trả những kỳ hội đã đến hạn thanh toán của 10 dây hội tổng cộng là 61.000.000 đồng nên cần chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ theo quy định tại các điều 288, 471 Bộ luật dân sự năm 2015, khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Đ đã rút yêu cầu khởi kiện bà T, ông P đối với đây hui thứ 11 nên cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Quan điểm của Viện kiểm sát: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ về “tranh chấp hui” đối với bà T, ông P số tiền 61.000.000 đồng là có căn cứ.

Vì các lẽ trên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ buộc bà T và ông P phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đ nợ vốn hui là 61.000.000 đồng theo quy định tại các điều 288, 471 Bộ luật dân sự năm 2015, khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà Đ được chấp nhận nên bà Đ không phải chịu án phí. Bà T và ông P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% giá trị tài sản tranh chấp của 61.000.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 217, 218, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 288, 468, 471, Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Đ về việc “tranh chấp hui” đối với bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn P.

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn P phải liên đới thanh toán cho bà Hồ Thị Đ vốn hui là 61.000.000 đồng (sáu mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hui giữa bà Đ với bà T, ông P đối với đây hui thứ 11. Các đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà T và ông P phải liên đới nộp 3.050.000 đồng (ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.870.000 đồng (một triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002043 ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí